

Học phần: Phát triển phần mềm hướng dịch vụ**Nhóm: INT1448-01****Số tín chỉ:****3****Ngày thi: 3/6/2016****Giờ thi: 8h00**

| Số TT | Mã SV | Họ và tên | Lớp | Điểm CC | Điểm TBKT | Điểm TN-TH | Điểm BTTL | Điểm m THI | Điểm KTHP | Ghi chú |
|------------------|------------|----------------------|----------|-----------|-----------|------------|-----------|------------|------------|---------|
| Trọng số: | | | | 10 | 10 | | 20 | 60 | | |
| 1 | B12DCCN101 | Nguyễn Thế Anh | D12CNPM1 | 5,0 | 4,0 | | 6,0 | 1,0 | 2,7 | |
| 2 | B12DCCN102 | Nguyễn Thị Việt Anh | D12CNPM2 | 8,0 | 4,0 | | 9,0 | 4,5 | 5,7 | |
| 3 | B12DCCN053 | Nguyễn Văn Anh | D12CNPM6 | 8,0 | 4,0 | | 6,0 | 4,5 | 5,1 | |
| 4 | B12DCCN471 | Nguyễn Trí Bắc | D12CNPM3 | 5,0 | 4,0 | | 8,0 | 4,0 | 4,9 | |
| 5 | B12DCCN153 | Đào Việt Chung | D12CNPM5 | 8,0 | 8,0 | | 9,0 | 7,5 | 7,9 | |
| 6 | B12DCCN008 | Nguyễn Thành Công | D12CNPM2 | 10,0 | 7,0 | | 9,0 | 3,0 | 5,3 | |
| 7 | B12DCCN106 | Bùi Văn Đạm | D12CNPM1 | 10,0 | 6,0 | | 9,0 | 6,0 | 7,0 | |
| 8 | B12DCCN477 | Nguyễn Trọng Đạt | D12CNPM5 | 3,0 | 4,0 | | 9,0 | 1,0 | 3,1 | |
| 9 | B12DCCN424 | Trần Trường Đạt | D12CNPM3 | 3,0 | 4,0 | | 8,0 | 3,0 | 4,1 | |
| 10 | B12DCCN367 | Nguyễn Văn Đức | D12CNPM2 | 10,0 | 9,0 | | 10,0 | 3,5 | 6,0 | |
| 11 | B12DCCN011 | Lê Anh Dũng | D12CNPM3 | 10,0 | 8,0 | | 8,0 | 6,0 | 7,0 | |
| 12 | B12DCCN013 | Bùi Văn Dương | D12CNPM3 | 10,0 | 8,0 | | 9,0 | 6,0 | 7,2 | |
| 13 | B12DCCN110 | Nguyễn Đình Giang | D12CNPM6 | 10,0 | 5,0 | | 10,0 | 5,5 | 6,8 | |
| 14 | B12DCCN315 | Phạm Thị Hạnh | D12CNPM2 | 10,0 | 4,0 | | 9,0 | 4,0 | 5,6 | |
| 15 | B12DCCN112 | Lã Mạnh Hiên | D12CNPM4 | 10,0 | 4,0 | | 10,0 | 5,5 | 6,7 | |
| 16 | B112104163 | Trương Văn Hiệp | D12CNPM5 | 3,0 | 4,0 | | 6,0 | 2,0 | 3,1 | |
| 17 | B12DCCN115 | Đặng Duy Hoàng | D12CNPM2 | 10,0 | 4,0 | | 10,0 | 5,0 | 6,4 | |
| 18 | B12DCCN435 | Nguyễn Thị Hồng | D12CNPM6 | 5,0 | 6,0 | | 8,0 | 1,0 | 3,3 | |
| 19 | B112104019 | Phạm Thị Huê | D12CNPM2 | 8,0 | 5,0 | | 9,0 | 4,5 | 5,8 | |
| 20 | B12DCCN325 | Nguyễn Thị Hương | D12CNPM6 | 10,0 | 7,0 | | 8,0 | 3,0 | 5,1 | |
| 21 | B12DCCN279 | Phạm Quốc Hưởng | D12CNPM3 | 10,0 | 9,0 | | 10,0 | 4,5 | 6,6 | |
| 22 | B12DCCN023 | Nguyễn Bá Huy | D12CNPM6 | 10,0 | 7,0 | | 9,0 | 4,0 | 5,9 | |
| 23 | B12DCCN280 | Bùi Khánh Huyền | D12CNPM5 | 5,0 | 5,0 | | 9,0 | 3,5 | 4,9 | |
| 24 | B12DCCN441 | Trần Đăng Khoa | D12CNPM6 | 5,0 | 7,0 | | 8,0 | 3,5 | 4,9 | |
| 25 | B12DCCN025 | Đỗ Thị Lan | D12CNPM6 | 10,0 | 6,0 | | 8,0 | 3,0 | 5,0 | |
| 26 | B12DCCN490 | Ngô Mạnh Linh | D12CNPM5 | 8,0 | 4,0 | | 9,0 | 3,0 | 4,8 | |
| 27 | B12DCCN027 | Nguyễn Ngọc Linh | D12CNPM3 | 10,0 | 6,0 | | 8,0 | 6,0 | 6,8 | |
| 28 | B12DCCN229 | Nguyễn Thị Diệu Linh | D12CNPM4 | 8,0 | 7,0 | | 8,0 | 3,5 | 5,2 | |
| 29 | B12DCCN179 | Nguyễn Xuân Lộc | D12CNPM3 | 10,0 | 8,0 | | 9,0 | 6,0 | 7,2 | |
| 30 | B12DCCN124 | Phạm Hoàng Long | D12CNPM2 | 9,0 | 8,0 | | 10,0 | 7,0 | 7,9 | |
| 31 | B12DCCN389 | Nguyễn Văn Luyện | D12CNPM1 | 10,0 | 10,0 | | 10,0 | 5,0 | 7,0 | |
| 32 | B12DCCN494 | Lương Tiến Mạnh | D12CNPM3 | 10,0 | 4,0 | | 9,0 | 7,0 | 7,4 | |
| 33 | B12DCCN447 | Kiều Thị Mơ | D12CNPM6 | 8,0 | 6,0 | | 8,0 | 5,5 | 6,3 | |

| Số TT | Mã SV | Họ và tên | Lớp | Điểm CC | Điểm TBKT | Điểm TN-TH | Điểm BTTL | Điểm m THI | Điểm KTHP | Ghi chú |
|------------------|------------|---------------------|----------|-----------|-----------|------------|-----------|------------|------------|---------|
| Trọng số: | | | | 10 | 10 | | 20 | 60 | | |
| 34 | B12DCCN496 | Trần Thị Nga | D12CNPM6 | 10,0 | 8,0 | | 8,0 | 7,0 | 7,6 | |
| 35 | B12DCCN499 | Lê Đức Phúc | D12CNPM6 | 5,0 | 4,0 | | 8,0 | 1,0 | 3,1 | |
| 36 | B12DCCN131 | Nguyễn Thị Phương | D12CNPM1 | 10,0 | 4,0 | | 9,0 | 3,5 | 5,3 | |
| 37 | B12DCCN397 | Nguyễn Thị Phương | D12CNPM4 | 10,0 | 7,0 | | 8,0 | 4,5 | 6,0 | |
| 38 | B12DCCN082 | Hoàng Văn Quân | D12CNPM2 | 8,0 | 8,0 | | 9,0 | 6,5 | 7,3 | |
| 39 | B12DCCN453 | Hoàng ánh Quang | D12CNPM1 | 3,0 | 5,0 | | 8,0 | 4,0 | 4,8 | |
| 40 | B12DCCN037 | Nguyễn Danh Quang | D12CNPM3 | 3,0 | 5,0 | | 9,0 | 3,0 | 4,4 | |
| 41 | B12DCCN134 | Nguyễn Toàn Gia Quý | D12CNPM3 | 5,0 | 5,0 | | 9,0 | 1,0 | 3,4 | |
| 42 | B12DCCN501 | Vũ Cao Quý | D12CNPM6 | 8,0 | 9,0 | | 10,0 | 3,0 | 5,5 | |
| 43 | B12DCCN137 | Phan Hữu Thắng | D12CNPM2 | 10,0 | 7,0 | | 9,0 | 6,0 | 7,1 | |
| 44 | B12DCCN508 | Mai Nam Thắng | D12CNPM3 | 10,0 | 8,0 | | 9,0 | 4,5 | 6,3 | |
| 45 | B12DCCN138 | Nguyễn Vũ Thắng | D12CNPM3 | 8,0 | 4,0 | | 9,0 | 3,5 | 5,1 | |
| 46 | B12DCCN509 | Phan Danh Thắng | D12CNPM4 | 10,0 | 4,0 | | 8,0 | 2,0 | 4,2 | |
| 47 | B12DCCN139 | Phạm Thị Thu | D12CNPM3 | 8,0 | 4,0 | | 9,0 | 6,0 | 6,6 | |
| 48 | B13CCCN164 | Nguyễn Văn Toàn | C13CNPM | 7,0 | 5,0 | | 4,0 | 0,0 | 2,0 | Vắng |
| 49 | B12DCCN298 | Nguyễn Quán Tuấn | D12CNPM3 | 8,0 | 7,0 | | 9,0 | 7,0 | 7,5 | |
| 50 | B12DCCN356 | Đặng Thanh Tùng | D12CNPM3 | 5,0 | 5,0 | | 9,0 | 2,0 | 4,0 | |
| 51 | B12DCCN521 | Nguyễn Thanh Tùng | D12CNPM6 | 3,0 | 6,0 | | 8,0 | 6,0 | 6,1 | |
| 52 | B12DCCN262 | Dương Bảo Việt | D12CNPM5 | 8,0 | 5,0 | | 9,0 | 4,0 | 5,5 | |
| 53 | 0921040143 | Phạm Minh Tiến | D10CNPM3 | 8,0 | 4,0 | | 5,0 | 2,0 | 3,0 | |

Ghi chú:

| | | | | | |
|------------------------|----|----|---------------------------|----|----|
| - Số SV theo DS: | 53 | SV | - Số SV dự thi: | 52 | SV |
| - Số SV thi đạt: | 45 | SV | - Số SV vắng thi: | 1 | SV |
| - Số SV thi không đạt: | 7 | SV | - Số SV vắng thi có phép: | 0 | SV |
| - Số SV thi lại: | 1 | SV | | | |

CÁN BỘ KHỚP PHÁCH

SỐ 1

SỐ 2

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2016

TRƯỞNG TRUNG TÂM

Phạm Anh Tuấn

Nguyễn Hoa Cường

Nguyễn Xuân Trường

